

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG
TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2013**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Chủ tịch

Ông Trần Kiên Cường	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2013)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2013)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 05 tháng 12 năm 2013)
Ông Trần Minh Bình	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 05 tháng 12 năm 2013)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2013)
Ông Vũ Đức Mạnh	Quyền Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2013)
Bà Nguyễn Lệ Hằng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Văn Anh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2013)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc lập và trình bày báo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Đức Mạnh
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2014

Số: 753 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12 tháng 3 năm 2014 từ trang 5 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0029-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 12 tháng 3 năm 2014
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1291-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B 01-CTQ

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)	100		587.129.267.869	899.028.229.612
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	366.471.463.897	205.583.619.114
1. Tiền	111		4.471.463.897	1.583.619.114
2. Các khoản tương đương tiền	112		362.000.000.000	204.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	206.921.344.445	652.784.200.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		209.431.270.540	655.974.826.095
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.509.926.095)	(3.190.626.095)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.678.648.832	40.376.531.176
1. Trả trước cho người bán	132		1.566.666.667	109.193.380
2. Các khoản phải thu khác	135	7	12.111.982.165	40.267.337.796
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		57.810.695	283.879.322
1. Tài sản ngắn hạn khác	158		57.810.695	283.879.322
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		439.900.842.373	302.060.165.869
I. Tài sản cố định	220		2.731.665.281	4.560.165.869
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	2.700.165.551	4.487.430.143
- Nguyên giá	222		4.241.960.000	5.635.383.680
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.541.794.449)	(1.147.953.537)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	31.499.730	72.735.726
- Nguyên giá	228		123.708.000	123.708.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(92.208.270)	(50.972.274)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	436.447.295.150	297.500.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		447.390.000.000	297.500.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(10.942.704.850)	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		721.881.942	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		721.881.942	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.027.030.110.242	1.201.088.395.481

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-CTQ

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		56.576.158.468	197.608.693.962
I. Nợ ngắn hạn	310		56.576.158.468	197.608.693.962
1. Phải trả người bán	312		34.417.480	-
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	14.193.881.582	13.092.957.305
3. Phải trả người lao động	315		1.526.778.608	3.608.596.426
4. Chi phí phải trả	316		82.500.000	478.333.333
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	40.504.780.774	180.239.906.493
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		233.800.024	188.900.405
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		970.453.951.774	1.003.479.701.519
I. Vốn chủ sở hữu	410		970.453.951.774	1.003.479.701.519
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	13	950.000.000.000	950.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		13.635.967.850	4.164.643.015
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		6.817.983.924	2.082.321.507
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	47.232.736.997
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.027.030.110.242	1.201.088.395.481

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006			
Trong đó:				
1.1. Chứng khoán giao dịch	007		10.214.826.095	9.974.826.095
2. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ	020		254.700.000.000	852.500.000.000
3. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030		276.802.499	20.385.919.158
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		268.295.918	20.309.263.148
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032		8.506.581	76.656.010
4. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	14	836.490.680.000	720.407.937.687
4.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		835.050.680.000	718.967.937.687
4.2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042		1.440.000.000	1.440.000.000
5. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	15	358.416.667	6.819.647.350
6. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051		-	20.065.890.000


Đinh Thị Huyền
Người lập biểu

Ngày 12 tháng 3 năm 2014


Hoàng Thị Dung
Kế toán trưởng



Nữ Đức Mạnh
Quản lý Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 02-CTQ
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh	01	16	1.836.382.243	14.294.192.756
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		1.836.382.243	14.294.192.756
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	17	69.771.111	2.608.172.953
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		1.766.611.132	11.686.019.803
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	124.599.304.152	78.846.752.970
7. Chi phí tài chính	22	19	44.133.847.041	8.424.721.719
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20	18.743.210.861	18.973.910.276
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-25}	30		63.488.857.382	63.134.140.778
10. Thu nhập khác	31		-	-
11. Chi phí khác	32		-	-
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		63.488.857.382	63.134.140.778
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	16.008.346.034	15.901.403.781
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60		47.480.511.348	47.232.736.997


 Đinh Thị Huyền
 Người lập biểu

Ngày 12 tháng 3 năm 2014


 Hoàng Thị Dung
 Kế toán trưởng


 Vũ Đức Mạnh
 Quyền Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 03-CTQ

Đơn vị tính: VND

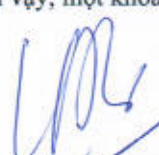
CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	63.488.857.382	63.134.140.778
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.106.618.646	921.186.842
Các khoản dự phòng	03	10.262.004.850	3.190.626.095
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(90.897.715.681)	(78.846.752.970)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(16.040.234.803)	(11.600.799.255)
Thay đổi các khoản phải thu	09	(1.540.476.808)	(443.253.035)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(182.611.823.275)	183.476.346.178
Thay đổi chi phí trả trước	12	-	154.141.708
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(14.832.392.518)	(13.308.383.463)
Tiền khu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.306.000.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.112.200.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(216.831.127.404)	158.278.052.133
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(2.970.603.680)
2. Tiền chi mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(54.000.000.000)	(496.000.000.000)
3. Tiền thu từ thanh lý các công cụ nợ của đơn vị khác	24	488.236.350.786	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(230.930.000.000)	(29.978.770.332)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	80.800.000.000	-
6. Tiền thu lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	131.909.348.229	48.268.669.635
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	416.015.699.015	(480.680.704.377)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	450.000.000.000
2. Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(38.296.726.828)	(35.399.465.624)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(38.296.726.828)	414.600.534.376
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	160.887.844.783	92.197.882.132
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	205.583.619.114	113.385.736.982
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	366.471.463.897	205.583.619.114

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm 40.358.434.646 VND là lợi nhuận phát sinh trong năm 2013 nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.


 Đinh Thị Huyền
 Người lập biểu

Ngày 12 tháng 3 năm 2014


 Hoàng Thị Dung
 Kế toán trưởng


 Vũ Đức Mạnh
 Quyền Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 05-CTQ
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng giảm		Số dư cuối năm	
	Ngày 01/01/2012	Ngày 01/01/2013	Năm trước		Ngày 31/12/2012	Ngày 31/12/2013
			Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	500.000.000.000	950.000.000.000	450.000.000.000	-	950.000.000.000	950.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	-	4.164.643.015	4.164.643.015	-	4.164.643.015	13.635.967.850
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	2.082.321.507	2.082.321.507	-	2.082.321.507	6.817.983.924
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	41.646.430.146	47.232.736.997	47.232.736.997	(41.646.430.146)	47.232.736.997	-
Cộng	541.646.430.146	1.003.479.701.519	503.479.701.519	(41.646.430.146)	1.003.479.701.519	970.453.951.774

(*) Phát sinh giảm "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" thể hiện số tiền chuyển về cho chủ sở hữu (Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam) từ lợi nhuận năm 2012 là 38.296.726.828 VND, lợi nhuận năm 2013 là 40.358.434.646 VND và số tiền trích quỹ dự phòng tài chính, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ khen thưởng, phúc lợi là 16.058.086.871 VND theo Công văn số 9189/TGD-NHCT11 ngày 21 tháng 6 năm 2013 và Công văn số 1462/HĐQT-NHCT11 ngày 06 tháng 12 năm 2013 của chủ sở hữu.


Đinh Thị Huyền
 Người lập biểu


Hoàng Thị Dung
 Kế toán trưởng



Ngày 12 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 50/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 10 năm 2010, sửa đổi gần nhất theo Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK ngày 30 tháng 12 năm 2013.

Công ty mẹ của Công ty là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 43 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 43 người), trong đó 13 người đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, cụ thể như sau:

Họ tên	Chứng chỉ số	Ngày cấp	Vị trí công tác
Vũ Đức Mạnh	000716/QLQ	26 tháng 10 năm 2010	Quyền Tổng Giám đốc
Quản Lê Phương Quy	000721/QLQ	05 tháng 5 năm 2011	Phó phòng Phân tích và Quản lý danh mục đầu tư
Đinh Quốc Đông	000190/QLQ	17 tháng 4 năm 2009	Trưởng phòng Phân tích và Quản lý danh mục đầu tư
Nguyễn Tuấn Hùng	000720/QLQ	05 tháng 5 năm 2011	Phòng Quản lý quỹ
Trần Thị Ngọc Tài	000060/QLQ	27 tháng 2 năm 2009	Phó phòng Pháp chế và Kiểm soát nội bộ, kiểm soát viên
Nguyễn Thanh Hà	000315/QLQ	17 tháng 6 năm 2009	Phó phòng Tư vấn
Hoàng Thị Dung	001039/QLQ	22 tháng 11 năm 2013	Kế toán trưởng
Vũ Thị Hương Lan	001047/QLQ	28 tháng 11 năm 2013	Trưởng phòng Đầu tư và Khách hàng doanh nghiệp
Trần Thị Tố Nga	001040/QLQ	22 tháng 11 năm 2013	Nhân viên phòng Đầu tư và Khách hàng doanh nghiệp
Phạm Thị Thanh Huyền	001036/QLQ	19 tháng 11 năm 2013	Nhân viên phòng Đầu tư và Khách hàng doanh nghiệp
Phạm Thành Hiếu	001023/QLQ	07 tháng 11 năm 2013	Nhân viên phòng Đầu tư và Khách hàng doanh nghiệp
Đỗ Anh Ngọc	001038/QLQ	19 tháng 11 năm 2013	Phòng Quản lý quỹ
Nguyễn Thùy Linh	001025/QLQ	07 tháng 11 năm 2013	Nhân viên phòng Phân tích và Quản lý danh mục đầu tư

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khác và đầu tư dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trong năm. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng rủi ro theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Các khoản đầu tư

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn bao gồm chứng khoán tự doanh và các khoản chứng khoán đầu tư. Đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư chứng khoán được Công ty thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành.

Đối với chứng khoán đã niêm yết, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng, Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư (Tiếp theo)

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (Tiếp theo)

Đối với chứng khoán chưa niêm yết, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau:

- Đối với các chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.
- Đối với các chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các chứng khoán không có giao dịch hoặc giao dịch không đáng kể trên thị trường không chính thức (OTC), giá chứng khoán được Công ty đánh giá căn cứ theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh lũy kế tới kỳ gần nhất, cùng với kế hoạch sản xuất kinh doanh trong các năm tiếp theo và thông tin đáng tin cậy về các giao dịch thành công gần ngày báo cáo.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư cổ phiếu hoặc góp vốn vào các đơn vị khác có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Các khoản đầu tư dài hạn được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh ban đầu) theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa phần vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế. Khoản dự phòng này được ghi nhận như một khoản chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đầu tư chứng khoán của người ủy thác đầu tư

Công ty nhận tiền từ người ủy thác đầu tư và thay mặt người ủy thác đầu tư để thực hiện các giao dịch kinh doanh chứng khoán theo các quy định trong hợp đồng ủy thác đầu tư giữa Công ty với người ủy thác đầu tư. Các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư được phản ánh theo giá gốc. Công ty không thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư vì theo quy định của hợp đồng ủy thác đầu tư, người ủy thác đầu tư chịu mọi rủi ro đối với các khoản lỗ phát sinh trong quá trình đầu tư mà nguyên nhân không phải do Công ty vi phạm các điều khoản quy định trong hợp đồng. Công ty ghi nhận các khoản mục liên quan đến hoạt động nhận ủy thác đầu tư trên phần các chỉ tiêu ngoài Bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm chi phí phát sinh. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, chi tiết như sau:

	Năm 2013 Số năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	6

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng là 3 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê. (Nếu Công ty có Chứng nhận quyền sử dụng đất, có thể hạch toán khoản này là tài sản cố định vô hình).

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình thành lập Công ty trước ngày có Giấy chứng nhận đầu tư và được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí thành lập được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày Công ty chính thức đi vào hoạt động.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận trên cơ sở vốn thực góp của chủ sở hữu tại Công ty theo tổng số vốn điều lệ đã được đăng ký.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được chuyển về cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ Công ty và quyết định của chủ sở hữu Công ty phù hợp với các quy định theo pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của chủ sở hữu Công ty. Tỷ lệ trích lập các quỹ không theo quy định hiện hành mà sẽ do chủ sở hữu công ty quyết định. Hàng năm khi kết thúc niên độ kế toán tài chính, căn cứ vào phê duyệt của HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Công ty thực hiện hạch toán và sử dụng các quỹ sau:

Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ này dùng để bổ sung vào vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nhân tố khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho nhân viên.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu.

Phí quản lý: Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

Tiền lãi: Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức: Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt tại quỹ	275.095.881	270.487.254
Tiền gửi ngân hàng	4.196.368.016	1.313.131.860
Các khoản tương đương tiền	362.000.000.000	204.000.000.000
	<u>366.471.463.897</u>	<u>205.583.619.114</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2013		31/12/2012	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
<i>Đầu tư cổ phiếu</i>		<i>10.214.826.095</i>		<i>9.974.826.095</i>
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	141.000	3.368.663.220	141.000	3.368.663.220
- Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	144.000	3.918.405.875	120.000	3.678.405.875
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội	321.000	2.927.757.000	321.000	2.927.757.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng</i>		<i>100.000.000.000</i>		<i>46.000.000.000</i>
<i>Trái phiếu sẵn sàng để bán (i)</i>		<i>84.216.444.445</i>		<i>600.000.000.000</i>
- Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco	3	3.092.000.000	150	150.000.000.000
- Công ty Cổ phần Bitexco Nho Quế	80	81.124.444.445	450	450.000.000.000
<i>Đầu tư ngắn hạn khác</i>		<i>15.000.000.000</i>		<i>-</i>
<i>Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</i>		<i>(2.509.926.095)</i>		<i>(3.190.626.095)</i>
		<u>206.921.344.445</u>		<u>652.784.200.000</u>

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, các khoản đầu tư ngắn hạn vào trái phiếu không có thông tin giao dịch trên thị trường chứng khoán chưa niêm yết (OTC). Theo đó, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng các khoản đầu tư này trên cơ sở tình hình tài chính và triển vọng của các công ty được đầu tư và tin tưởng rằng, không có dấu hiệu suy giảm giá trị đối với các khoản đầu tư này.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Dự thu lãi tiền gửi	5.136.738.889	1.629.083.334
Dự thu lãi trái phiếu	6.242.500.000	38.214.583.334
Dự thu phí quản lý	96.937.721	421.671.128
Khác	635.805.555	2.000.000
	<u>12.111.982.165</u>	<u>40.267.337.796</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	3.517.060.000	2.118.323.680	5.635.383.680
Giảm trong năm (*)	-	(1.393.423.680)	(1.393.423.680)
Tại ngày 31/12/2013	3.517.060.000	724.900.000	4.241.960.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	573.670.302	574.283.235	1.147.953.537
Khấu hao trong năm	586.176.669	313.261.923	899.438.592
Giảm trong năm (*)	-	(505.597.680)	(505.597.680)
Tại ngày 31/12/2013	1.159.846.971	381.947.478	1.541.794.449
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2013	2.357.213.029	342.952.522	2.700.165.551
Tại ngày 31/12/2012	2.943.389.698	1.544.040.445	4.487.430.143

- (*) Trong năm, Công ty thực hiện phân loại một số tài sản cố định sang khoản mục Chi phí trả trước dài hạn theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2013	123.708.000
Tăng trong năm	-
Tại ngày 31/12/2013	123.708.000
GIÁ TRỊ HAO LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2013	50.972.274
Khấu hao trong năm	41.235.996
Tại ngày 31/12/2013	92.208.270
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2013	31.499.730
Tại ngày 31/12/2012	72.735.726

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2013			31/12/2012		
	Tỷ lệ đầu tư %	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND	
Đầu tư dài hạn khác			447.390.000.000		297.500.000.000	
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi (*)	69,98	3.499.000	34.990.000.000	2.500.000	25.000.000.000	
- Công ty Cổ phần Đầu tư địa ốc Mỹ Đình (**)	20,00	2.000.000	20.000.000.000	2.000.000	20.000.000.000	
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả (**)	25,49	11.580.000	120.000.000.000	-	-	
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công đoàn NH TMCP Công thương Việt Nam	1,25	320.000	3.200.000.000	-	-	
- Công ty Cổ phần Đầu tư Sen Việt Công thương	1,56	600.000	6.000.000.000	-	-	
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	2,51	17.000.000	171.700.000.000	25.000.000	252.500.000.000	
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả - Khánh Hòa (**)	30,00	9.150.000	91.500.000.000	-	-	
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn			(10.942.704.850)		-	
			436.447.295.150		297.500.000.000	

(*) Ngày 29 tháng 7 năm 2013, Công ty mua thêm cổ phần và tăng tỷ lệ đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi là 69,98%. Tuy nhiên, Công ty đã có kế hoạch chuyển nhượng khoản đầu tư trong vòng 12 tháng kể từ ngày mua do đó Công ty chỉ nắm quyền kiểm soát tạm thời đối với khoản đầu tư này và trình bày ở mục đầu tư dài hạn khác. Do đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty không thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị Nam Quảng Ngãi.

(**) Công ty có kế hoạch nắm giữ các khoản đầu tư này để bán khi có lợi, do đó, Công ty không hợp nhất các khoản đầu tư này và trình bày ở mục đầu tư dài hạn khác.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.162.339.752	12.986.386.236
Thuế thu nhập cá nhân	31.541.830	106.571.069
	14.193.881.582	13.092.957.305

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản phải trả về mua bán chứng khoán	-	180.000.000.000
Các khoản phải trả về chuyển lợi nhuận về Công ty mẹ	40.358.434.646	-
Khác	146.346.128	239.906.493
	<u>40.504.780.774</u>	<u>180.239.906.493</u>

13. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép Thành lập và Hoạt động công ty quản lý quỹ số 39/GPĐC-UBCK ngày 30 tháng 12 năm 2013, vốn điều lệ của Công ty là 950.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn điều lệ đã được chủ sở hữu góp đủ như sau:

	<u>Theo Giấy</u>		<u>Vốn đã góp tại ngày</u>	
	<u>phép điều chỉnh</u>		<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng TMCP Công	950.000.000.000	100	950.000.000.000	950.000.000.000
thương Việt Nam				
	<u>950.000.000.000</u>	<u>100</u>	<u>950.000.000.000</u>	<u>950.000.000.000</u>

14. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Nhà đầu tư ủy thác trong nước

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cổ phiếu niêm yết	-	19.150.400.000
Cổ phiếu không niêm yết	711.050.680.000	249.229.430.000
Trái phiếu	50.000.000.000	50.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	13.000.000.000	35.588.107.687
Đầu tư khác	61.000.000.000	365.000.000.000
	<u>835.050.680.000</u>	<u>718.967.937.687</u>

Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cổ phiếu không niêm yết	1.440.000.000	1.440.000.000
	<u>1.440.000.000</u>	<u>1.440.000.000</u>

15. CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Các khoản phải thu nhà đầu tư ủy thác thể hiện khoản lãi dự thu của các khoản ủy thác đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. DOANH THU

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	1.442.715.576	6.663.851.290
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	393.666.667	1.630.341.466
Doanh thu khác	-	6.000.000.000
	<u>1.836.382.243</u>	<u>14.294.192.756</u>

17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí hoạt động nghiệp vụ khác	69.771.111	2.608.172.953
	<u>69.771.111</u>	<u>2.608.172.953</u>

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>2013</u>	<u>2012 (*)</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi	28.670.168.812	12.298.963.896
Lãi đầu tư tài chính	71.264.292.808	66.387.500.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	213.000.000	141.000.000
Doanh thu từ hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán	21.154.383.702	19.141.638
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.297.458.830	147.436
	<u>124.599.304.152</u>	<u>78.846.752.970</u>

(*) Một số chỉ tiêu đã được trình bày lại cho mục đích so sánh.

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>2013</u>	<u>2012 (*)</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lỗ do mua bán trái phiếu	33.701.588.471	5.171.250.000
Phí lưu ký	73.156.498	62.845.624
Phí chuyển nhượng chứng khoán	97.097.222	-
Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	10.262.004.850	3.190.626.095
	<u>44.133.847.041</u>	<u>8.424.721.719</u>

(*) Một số chỉ tiêu đã được trình bày lại cho mục đích so sánh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2013	2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên	10.818.560.575	11.868.141.368
Chi phí vật liệu công cụ làm việc	963.483.891	1.049.426.640
Chi phí khấu hao tài sản cố định	940.674.588	921.186.842
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.842.354.005	1.229.503.091
Chi phí khác	4.178.137.802	3.905.652.335
	18.743.210.861	18.973.910.276

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2013	2012
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	63.488.857.382	63.134.140.778
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	213.000.000	141.000.000
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	757.526.752	612.474.345
Thu nhập chịu thuế	64.033.384.134	63.605.615.123
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	16.008.346.034	15.901.403.781
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	16.008.346.034	15.901.403.781

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	366.471.463.897	205.583.619.114
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	206.921.344.445	652.784.200.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	13.678.648.832	40.376.531.176
Đầu tư dài hạn khác	436.447.295.150	297.500.000.000
Tổng	1.023.518.752.324	1.196.244.350.290
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán	34.417.480	-
Chi phí phải trả	82.500.000	478.333.333
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	40.504.780.774	180.239.906.493
Tổng	40.621.698.254	180.718.239.826

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có rủi ro tỷ giá do các tài sản và công nợ tài chính của Công ty đều bằng đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất trong năm 2013 vì các khoản tiền gửi của Công ty đều có lãi suất cố định.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty cổ phần. Hội đồng Đầu tư của Công ty xem xét các quyết định đầu tư cũng như ngành nghề kinh doanh của các đơn vị nhận đầu tư để phê duyệt các khoản đầu tư mới. Tuy nhiên, Công ty chưa đánh giá được rủi ro về giá của các công cụ vốn này do thiếu thị trường hoạt động.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng từ các khoản phải thu khác và tiền gửi ngân hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	366.471.463.897	-	366.471.463.897
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	206.921.344.445	-	206.921.344.445
Các khoản phải thu ngắn hạn	13.678.648.832	-	13.678.648.832
Đầu tư dài hạn khác	-	436.447.295.150	436.447.295.150
Tổng cộng	587.071.457.174	436.447.295.150	1.023.518.752.324
31/12/2013			
Phải trả người bán	34.417.480	-	34.417.480
Chi phí phải trả	82.500.000	-	82.500.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	40.504.780.774	-	40.504.780.774
Tổng cộng	40.621.698.254	-	40.621.698.254
Chênh lệch thanh khoản ròng	546.449.758.920	436.447.295.150	982.897.054.070
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	205.583.619.114	-	205.583.619.114
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	652.784.200.000	-	652.784.200.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	40.376.531.176	-	40.376.531.176
Đầu tư dài hạn khác	-	297.500.000.000	297.500.000.000
Tổng cộng	898.744.350.290	297.500.000.000	1.196.244.350.290
31/12/2012			
Chi phí phải trả	478.333.333	-	478.333.333
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	180.239.906.493	-	180.239.906.493
Tổng cộng	180.718.239.826	-	180.718.239.826
Chênh lệch thanh khoản ròng	718.026.110.464	297.500.000.000	1.015.526.110.464

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Quan hệ	2013 VND	2012 VND
Doanh thu phí ủy thác đầu tư			
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ	-	881.755.557
- Công ty TNHH MTV Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Công ty có cùng Ngân hàng mẹ	124.657.534	264.817.203
- Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Công ty có cùng Ngân hàng mẹ	789.297.945	120.138.889
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Công ty có cùng Ngân hàng mẹ	159.208.334	-
Lãi từ hợp đồng tiền gửi			
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ	15.050.889.149	2.593.571.068
Lãi từ tài khoản tiền gửi của nhà ủy thác			
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ	1.815.199.733	4.759.641.897
Giao dịch bán cổ phiếu			
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Công ty có cùng Ngân hàng mẹ	80.800.000.000	-
Giao dịch bán trái phiếu			
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ	2.410.551.095.890	-
- Công ty TNHH MTV Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Công ty có cùng Ngân hàng mẹ	27.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các sổ dư với các bên liên quan như sau:

	<u>Quan hệ</u>	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Quản lý vốn ủy thác đầu tư			
- Công ty TNHH MTV Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Công ty có cùng Ngân hàng mẹ	13.000.000.000	15.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Công ty có cùng Ngân hàng mẹ	-	50.000.000.000
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Công ty có cùng Ngân hàng mẹ	50.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ	-	1.047.722
Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ	4.121.141.807	1.157.108.740
Tiền gửi không kỳ hạn tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Công ty có cùng Ngân hàng mẹ	75.226.209	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ	320.000.000.000	197.000.000.000
Tiền gửi không kỳ hạn của nhà đầu tư ủy thác tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ	276.802.499	20.385.919.158
Tiền gửi có kỳ hạn của nhà đầu tư ủy thác hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ	13.000.000.000	15.588.107.687
Phải trả khác của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ	40.358.434.646	-
Phải trả khác của Ngân hàng TNHH Indovina	Công ty liên doanh của Ngân hàng mẹ	-	180.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Thu nhập của Ban Giám đốc và Chủ tịch Công ty được hưởng trong năm như sau:

	2013	2012
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	3.622.481.704	2.828.796.173
Thù lao của Chủ tịch Công ty	180.000.000	180.000.000

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012. Một số số liệu so sánh của bảng cân đối kế toán đã được phân loại lại như sau:

Khoản mục	Ghi chú	Theo báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	Thay đổi	Theo báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
		VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	(i)	908.474.826.095	(252.500.000.000)	655.974.826.095
Đầu tư vào công ty liên kết	(i)	45.000.000.000	(45.000.000.000)	-
Đầu tư dài hạn khác	(i)	-	297.500.000.000	297.500.000.000

- (i) Công ty thực hiện phân loại lại các khoản đầu tư do Công ty điều chỉnh kế hoạch kinh doanh liên quan đến các khoản đầu tư này.

Đinh Thị Huyền
 Người lập biểu

Ngày 12 tháng 3 năm 2014

Hoàng Thị Dung
 Kế toán trưởng



Vũ Đức Mạnh
 Quyền Tổng Giám đốc